

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN PHONG INVESTMENT SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110252391

**3. Ngày thành lập:** 15/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17B Xóm Giếng, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941012261

Fax:

Email:

Website: [thuanphong68.coltd@gmail.com](mailto:thuanphong68.coltd@gmail.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Kinh doanh dược, Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Thiết bị giáo dục, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện thoại di động, cố định, máy fax, tổng đài, thiết bị bưu chính, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                  | 4659     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.<br>Không gồm các hoạt động: Dịch vụ báo cáo Tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản                                                                                                                                                                                                                     | 8299     |
| 4.  | Hoạt động y tế dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8691     |
| 5.  | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8699     |
| 6.  | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9620     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                              | 6312        |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                 | 2023        |
| 13. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc (Điểm a Khoản 2 Điều 32 Luật Dược 2016); Sản xuất hóa dược và dược liệu                                                              | 2100        |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                     | 4791        |
| 15. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                | 4799        |
| 16. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                            | 3250        |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                 | 3313        |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                 | 3314        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                 | 3319        |
| 21. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;<br>Bán nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. | 4772(Chính) |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)                                                                  | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM NGỌC TÚ   | Việt Nam  | 1/17 Góc Mít, Phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam  | 750.000.000           | 50,000    | 036094000208                                                                                            |         |
| 2   | PHẠM ĐỨC HÙNG  | Việt Nam  | B2801 CT2 TTHC mới, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 750.000.000           | 50,000    | 036089007033                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM ĐỨC HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036089007033

Ngày cấp: 21/06/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: B2801 CT2 TTHC mới, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: B2801 CT2 TTHC mới, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội